

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2026/DS-ST

Ngày 06 - 7 - 2026

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu công nhận Hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất có hiệu lực pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm dân sự:

1. Ông Phùng Đình Bàn.

2. Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thu Hương - Thư ký Tòa án Nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Tuấn Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Đức H**, sinh năm 1964; căn cước công dân số: 026064013592 cấp ngày 08/07/2024; nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **H**: Ông **Dương Đức M**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Số A T, phường Đ, thành phố Hà Nội**, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **H**: Ông **Lê Minh T**, Luật sư Công ty **L2** và Cộng sự - **Đoàn Luật sư thành phố H**; Địa chỉ: **Số I T, phường C, thành phố Hà Nội**, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Đức B**, sinh năm 1971; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Chị **Phạm Lan P**, sinh năm 1976; căn cước công dân số: 026176021363 cấp ngày 25/08/2021; nơi cư trú: **Số B ngõ E, đường P, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị **P**: Ông **Phan Viết L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **B Tòa T, phường Y, thành phố Hà Nội**, (có mặt).

3.2. Anh **Phạm Đức T1**, sinh năm 1977; căn cước công dân số: 026077012683 cấp ngày 13/07/2024; nơi cư trú: **Số B ngõ E, đường P, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

3.3. Anh **Phạm Đoàn D**, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 026087000678 cấp ngày 16/08/2021; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1951; nơi cư trú: **Tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (vắng mặt).

4.2. Ông **Phạm Đức L1**, sinh năm 1954; căn cước công dân số: 026054001854 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: **Số F, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (vắng mặt).

4.3. Ông **Phạm Đức C1**, sinh năm 1960; căn cước công dân số: 026060000021 cấp ngày 02/04/2021; nơi cư trú: **Số nhà I, ngõ G, đường Đ, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

4.4. Bà **Phạm Thị Q** (tên gọi khác **T4**), sinh năm 1962; căn cước công dân số: 026162009726 cấp ngày 25/06/2021; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

4.5. Ông **Phạm Đức C2**, sinh năm 1964; căn cước công dân số: 026064012773 cấp ngày 03/05/2024; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, (có mặt).

4.6. Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1968; căn cước công dân số: 026168003750 cấp ngày 20/04/2021; nơi cư trú: **Ngách H, số nhà E, khu tập thể C, phường Đ, thành phố Hà Nội**, (có mặt).

4.7. Ông **Phạm Đức M1**, sinh năm 1973; nơi cư trú: **Số A, ngõ E T, phường Đ, thành phố Hà Nội**, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Phạm Đức H**; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ ông **H** là cụ **Phạm Đức T2** (chết ngày 06/02/2000) và cụ **Phạm Thị C3** (chết ngày 11/01/2007). Cụ **T2** và cụ **C3** sinh được tổng cộng 11 người con gồm: Ông **Phạm Đức C4** (liệt sỹ năm 1972, khi hy sinh chưa có vợ con); bà **Phạm Thị C**; ông **Phạm Đức T3** (chết ngày 17/01/2016 có vợ là bà **Đoàn Thị H2**, ông **T3** đã ly hôn bà **H2** năm 2001. Ông **T3** và bà **H2** có ba người con chung gồm: Chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D**, sau khi ly hôn với bà **H2** ông **T3** có kết hôn với hai người vợ khác là bà **Nguyễn Thị N** ly hôn năm 2008 và bà **Vũ Thị Hương G** ly hôn năm 2013. Cả hai người vợ sau của ông **T3** đều không có con chung với ông **T3**); ông **Phạm Đức L1**; ông **Phạm Đức C1**; bà **Phạm Thị Q** (tên gọi khác **T4**); ông **Phạm Đức C2**; bà **Phạm Thị H1**; ông **Phạm Đức B**; ông **Phạm Đức M1** và ông **Phạm Đức H**. Ngoài những người con đề trên bố mẹ ông **H** không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ của cụ **T2** là cụ **Phạm Hữu C5** và cụ **Trần Thị Đ**; bố mẹ cụ **C3** họ tên cụ thể là gì thì ông không nhớ rõ nhưng các cụ đều đã chết từ lâu.

- Về di sản thừa kế của cụ **C3** và cụ **T2** để lại: Khi còn sống bố mẹ ông **H** có tạo lập được khối tài sản chung khoảng 5.782m² đất tại khu **H**, phường **L**, thành phố **V**, tỉnh **Vĩnh Phúc** cũ. Nguồn gốc thửa đất là do cụ **T2** và cụ **C3** tạo lập từ trước năm 1970, thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 bố ông chết, năm 2007 mẹ ông chết đều không để lại di chúc.

Trên toàn bộ thửa đất của cụ **T2** và cụ **C3** có bà **Q (T4)**, ông **B**, ông **T3** (hiện nay là con trai ông **T3** là anh **Phạm Đoàn D**) sinh sống. Sau khi cụ **T2** và cụ **C3** chết thì ông **H** mới được biết thửa đất trên đã được cấp thành 03 bìa đỏ gồm: Ông **Phạm Đức B** được cấp với diện tích 1.797,3m²; bà **Phạm Thị Q (Tuyệt)** được cấp với diện tích 1.879,3m² và cụ **Phạm Thị C3** được cấp với diện tích 2.105,7m². Cả ba thửa đất trên đều do **UBND thành phố V**, tỉnh **Vĩnh Phúc** cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2006.

Sau khi cụ **T2** và cụ **C3** chết, do các anh chị em, con cháu trong gia đình không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông **H** để lại nên phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm trước đây ông **H** đề nghị Tòa án nhân dân thành phố **Vĩnh Yên**, tỉnh **Vĩnh Phúc** (nay là tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất mang tên bà **Phạm Thị T4 (Q)** và mang tên ông **Phạm Đức B** đối với diện tích đất có nguồn gốc của bố mẹ ông **H** để lại như nêu trên và chia thừa kế đối với diện tích đất 5.782m² là di sản thừa kế của cụ **T2** và cụ **C3** cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/6/2023 ông **H** đề nghị rút yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **Phạm Đức B** và bà **Phạm Thị T4 (Quyết)** và không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đứng tên ông **B** và bà **T4 (Q)**. Do vụ án đã bị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ vụ án và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Nay ông **H** chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ **T2** và cụ **C3** để lại là quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** có diện tích là 2.105,7m² thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (nay là thửa đất số: 4 tờ bản đồ: 8 đo đạc thực tế có diện tích là 2.096,7m²); Địa chỉ: **Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ)** cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C3** và cụ **T2**. Đối với tài sản và cây cối lâm lộc trên đất ông **H** không đề nghị tính giá trị để chia mà ai được chia trên phần đất nào thì người đó được quản lý sử dụng. Hiện tại ông **H** chưa có đất của bố mẹ cho. Bản thân bà **T4 (Q)**, ông **B**, ông **C1**, ông **L1**, ông **T3** và bà **C** đã được bố mẹ cho đất từ trước. Do vậy, ông **H** đề nghị chia cho ông **H** phần vị trí đất phía mặt đường để làm chỗ ở. Nếu phần vị trí của ông **H** được chia có diện tích ít hơn so với suất thừa kế khác thì ông **H** cũng không yêu cầu họ phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông.

- Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Ông **H** xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi cụ **T2** chết thì cụ **C3** ở trên đất, trông nom, giữ gìn đất. Sau khi cụ **C3** chết thì ông **H** không biết ai là người trông nom, giữ gìn đất.

- Về chi phí mai táng phí cho cụ **T2** và cụ **C3**: Khi cụ **T2** và cụ **C3** chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của cụ **T2** và cụ **C3** ông **H** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tiền chi phí thẩm định và định giá: Ông **H** xin chịu toàn bộ và không đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền này.

- Đối với yêu cầu độc lập của chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D** yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ **Phạm Thị C3** lập ngày 10/10/2003 là hợp pháp, ông **H** có ý kiến như sau: Ông **T3** trước đây kết hôn với bà **Đoàn Thị H2** và ra ở đất do bố mẹ ông **H** cho tại **khu L**. Khi ông **T3** và bà **H2** xảy ra mâu thuẫn thì ông **T3** về ở tại thửa đất đang tranh

chấp, thời gian ông T3 về ở ông H không nhớ cụ T2 còn sống hay đã chết. Đến năm 2000 ông T3 làm nhà trên một phần diện tích đất của cụ T2 và cụ C3 ông H cũng không nhớ cụ T2 còn sống hay đã chết. Việc cụ C3 viết giấy chuyển nhượng đất cho ông T3 thì ông H không được biết, sau này ông H chỉ được nghe các anh chị em nói lại là cụ C3 vừa bán vừa cho ông T3 đất. Tuy nhiên, việc ông T3 làm nhà và sinh sống trên đất của bố mẹ thì ông H có biết, ban đầu ông H có ý kiến nhưng chỉ nói bằng miệng với cụ C3, không ý kiến bằng văn bản. Ông H chỉ thắc mắc là thửa đất trên là tài sản chung của bố mẹ ông chưa chia. Việc một mình cụ C3 đứng ra chuyển nhượng một phần đất là tài sản chung của bố mẹ ông H cho ông T3 theo ông H là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hiệu lực của giấy chuyển nhượng trên.

- Ông H sinh năm 1964, đến nay đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

*** Bị đơn ông Phạm Đức B vắng mặt tại phiên toà, tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông B trình bày:**

Ông thừa nhận lời trình bày về nguồn gốc thửa đất, di sản thừa kế, diện tích đất thực tế sử dụng, thành phần gia đình như ông H trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông xin bổ sung như sau: Bố mẹ ông tạo lập được một khối tài sản chung bao gồm trên 01 mẫu đất Bắc bộ (Khoảng trên 3.600m²) đất tại khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc chứ không phải 5.782m² đất như ông H trình bày, thửa đất này được tạo lập vào khoảng năm 1970, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong 11 anh chị em do hoàn cảnh mỗi người một công việc, có gia đình và ra ở riêng nên chỉ có vợ chồng ông ở lại và chăm sóc cụ T2 và cụ C3 từ khi ông lập gia đình đến khi hai cụ chết. Do đó năm 1999 bố mẹ ông làm thủ tục tách cho ông 1.797,3m² đất (có cán bộ địa chính đến đo đất và có 04 anh chị em chứng kiến là ông L1, ông C1, ông H và ông C2) trong đó có 200m² đất ở, còn lại là đất vườn, đến năm 2006 ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Phạm Đức B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số: AB 867106, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 08, địa chỉ thửa đất ở khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp theo quyết định số: 1199 ngày 25/12/2006 của UBND thành phố V và ông vẫn ở trên đất đóng đầy đủ nghĩa vụ thuế cho Nhà nước từ đó đến nay. Trên đất ông xây 01 nhà 04 gian cấp IV và đầu năm 2019 tách cho con gái là Phạm Thị Hồng V khoảng 200 m² đất. Năm 2008 bán cho ông T5 ở Định T 100m². Hiện nay diện tích đất này ông Phạm Đức L1 là anh trai ông đã mua lại. Cùng thời điểm năm 1999 bố mẹ ông còn làm thủ tục

tách cho chị gái là bà **Phạm Thị Q (T4)** 400m² và hiện giờ bà **Q (Tuyết)** cũng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Sau khi tách đất cho ông và bà **Q (T4)**, năm 2000 cụ **T2** chết không để lại di chúc, năm 2002 ông **T3** bỏ vợ về ở với mẹ ông được mẹ ông cho làm nhà ra góc vườn để lấy vợ mới thì ông **H**, ông **C2** đến phá nên mẹ ông mới làm thủ tục mua bán để hợp thức hóa việc cho ông **T3** đất, diện tích cho ông **T3** khoảng 700m², hiện nay diện tích đất này con trai ông **T3** là **Phạm Đoàn D** đang ở. Tuy nhiên, diện tích đất này vẫn nằm trong tổng diện tích đất đứng trong bìa đỏ của mẹ ông là cụ **Phạm Thị C3**. Diện tích đất còn lại mẹ ông có viết di chúc để lại cho ông **M1** toàn quyền sử dụng, tuy nhiên di chúc này chưa được chứng thực của **UBND phường L**, năm 2006 mẹ ông chết, khi mang di chúc ra công bố thì các ông là ông **T3**, ông **H**, ông **C2** và bà **Q (T4)** không thừa nhận di chúc nên ông **M1** có nói “*Đó là di nguyện của mẹ để lại mà các anh không thừa nhận thì tôi cũng không cần gì cả*” và hiện tại bản di chúc này ông không giữ, hiện thất lạc đâu ông không biết. Sau khi mẹ ông chết ông là người quản lý toàn bộ thừa đất của mẹ ông để lại đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ **Phạm Thị C3**, diện tích là 2.105,7m² và là người trực tiếp thờ cúng các cụ và anh trai là Liệt sỹ theo phong tục địa phương đồng thời cũng là người được hưởng trợ cấp vì là người thờ cúng Liệt Sỹ.

Nay ông **H** làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế tài sản của bố mẹ ông để lại theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ ông. Ông có ý kiến như sau: Hiện tại diện tích đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ông đang quản lý, ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng để làm nhà thờ như nguyện vọng của bố mẹ ông. Trường hợp phải chia ông đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật và ông xin lấy bằng hiện vật.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:**

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị **Phạm Lan P là ông **Phan Viết L** và chị **P** trình bày:**

Chị **P** thừa nhận lời trình bày về nguồn gốc thừa đất, di sản thừa kế, diện tích đất thực tế sử dụng, thành phần gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng. Chị **P** là con của ông **Phạm Đức T3** (ông **T3** là con trai của cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3**). Ông **T3** kết hôn với bà **Đoàn Thị H2** và sinh được 03 người con gồm: Chị **P**, anh **T1** và anh **D**. Ngoài ba người con đẻ trên thì ông **T3** không có con riêng, con nuôi nào khác. Khoảng năm 1999 ông **T3** và bà **H2** ly thân, năm 2001 thì ly hôn. Sau khi ly hôn ông **T3** lấy bà **N** và ly hôn khoảng năm 2008,

sau đó lấy bà G và ly hôn năm 2013, cả hai người vợ trên không có con chung với ông T3. Ông T3 chết ngày 17/01/2016, trước khi chết không để lại di chúc.

Trước khi ly hôn với bà H2, vào khoảng năm 1999 - 2000 ông T3 về ở với cụ T2 và cụ C3, ban đầu về ở ông T3 làm một lán nhỏ để ở, sau đó được sự đồng ý của cụ T2 và cụ C3 thì ông T3 làm nhà 05 gian như hiện tại bắt đầu vào năm 1999 - 2000. Đến năm 2003 cụ C3 viết giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 là 750m² đất với giá 50.000.000đ, giấy chuyển nhượng có chữ ký của cụ C3 và có chữ ký của ông Phạm Đức M1 (con trai út của cụ C3) ký với tư cách là người làm chứng. Mặc dù đến ngày 10/10/2003 cụ C3 mới viết giấy chuyển nhượng đất cho ông T3 nhưng trên thực tế ông T3 đã xây nhà, lát sân gạch và làm một số công trình phụ khác trên phần đất mua của cụ T2 và cụ C3 từ năm 1999 - 2000, ông T3 sinh sống, ở ổn định từ đó đến khi chết, sau khi ông T3 chết thì anh D là con trai út của ông T3 quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Việc ông T3 làm nhà và các công trình khác trên đất để sinh sống thì cả cụ T2, cụ C3 và các anh em, con cháu trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì.

Nay ông Phạm Đức H khởi kiện phân chia di sản của cụ C3, cụ T2 chị P đề nghị như sau. Đề nghị công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ Phạm Thị C3 ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông T3 750m² đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299) nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ là hợp pháp. Sau khi trừ đi diện tích đất cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3 thì phần diện tích còn lại mới chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 và cụ T2. Phần của ông T3 được hưởng, chị P và anh T1, anh D là người thừa kế của ông T3 nên chị đề nghị được chia bằng hiện vật cho ba chị em và đề nghị chia giáp với phần đất cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3. Nếu phần đất chị P được chia có diện tích ít hơn so với suất thừa kế khác thì chị P cũng không yêu cầu họ phải thanh toán tiền chênh lệch cho chị. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, chị không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

Chị Phạm Lan P nhất trí với lời trình bày của ông L, không bổ sung thêm gì khác.

- Anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D thống nhất trình bày:

Các anh thừa nhận toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của chị P và lời trình bày của chị P ở trên là đúng.

Nay ông H khởi kiện phân chia di sản của cụ C3, cụ T2 các anh đề nghị như sau: Đề nghị công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ Phạm Thị C3

ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông T3 750m² đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 8); địa chỉ: Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ là hợp pháp. Sau khi trừ đi diện tích đất cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3 thì phần diện tích còn lại mới chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 và cụ T2. Phần của ông T3 được hưởng, các anh và chị P là người thừa của ông T3, nên các anh đề nghị được chia bằng hiện vật cho ba chị em và đề nghị chia giáp với phần đất cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3. Nếu phần đất được chia có diện tích ít hơn so với suất thừa kế khác thì các anh cũng không yêu cầu họ phải thanh toán tiền chênh lệch cho các anh. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, các anh không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Phạm Thị C trình bày: Bà xác nhận thời gian cụ Phạm Đức T2 và cụ Phạm Thị C3 chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản như các anh em trong gia đình trình bày là đúng, bà xác định các cụ chỉ tạo lập được khoảng 3000m² tại khu H, phường L, thành phố V cũ được khai hoang từ năm 1970 trên đất có 01 ngôi nhà 04 gian, năm 1999 bố mẹ bà cho bà Q (T4) khoảng 400m² đất và cho ông B khoảng hơn 1000m² đất và vừa bán vừa cho ông T3 khoảng 700m² cụ thể thủ tục tặng cho, mua bán như thế nào bà không biết, khi bố mẹ bà chết bà chỉ nghe nói diện tích đất còn lại giao cho ông M1 quản lý sử dụng, sau đó ông M1 lại cho lại ông H 400m² nhưng có giấy tờ mua bán, tặng cho hay không bà không biết. Nay ông H khởi kiện chia di sản thừa kế đối với tài sản của bố mẹ bà để lại cho hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ bà. Quan điểm của bà, bà đã có đất ở nên bà từ chối không nhận di sản thừa kế của bố mẹ.

- Ông Phạm Đức L1 trình bày: Ông xác nhận thời gian cụ Phạm Đức T2 và cụ Phạm Thị C3 chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản như nguyên đơn và bị đơn bày là đúng. Sinh thời bố mẹ ông tạo dựng được khối tài sản khoảng 4000m² tại khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cũ do khai hoang từ những năm 1970. Năm 1999 bố mẹ ông tách cho ông B 1.797,3m² đất và cho bà T4 (Quyết) 400m² đất và đều được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 ông T3 ly hôn và lên phần đất của bố mẹ làm nhà ở một góc vườn, việc mua bán tặng cho thế nào ông không biết, diện tích còn lại mẹ ông giao cho ông M1 toàn quyền sử dụng nhưng di chúc không được chứng thực sau này gia đình công bố di chúc nhưng nhiều người không thừa nhận, hiện tại di chúc thất lạc ở đâu ông không rõ. Với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông H đối với di sản của bố mẹ ông để lại cho những người thuộc hàng thừa

kế thứ nhất của bố mẹ ông. Quan điểm của ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, đối với diện tích đất mà chia phải thừa kế, ông xin nhận và nguyện vọng để lại làm nhà thờ.

Ông sinh năm 1954, đến nay đã trên 70 tuổi là người cao tuổi nên ông đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông.

- Ông Phạm Đức C2 trình bày:

+ Về nguồn gốc hình thành thừa đất, di sản thừa kế, diện tích đất thực tế sử dụng, thành phần gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ ông, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin nhận di sản bằng hiện vật và xin chia phần đất ở phía mặt đường, vì hiện tại ông chưa có đất ở. Nếu phần vị trí của ông được chia có diện tích ít hơn so với suất thừa kế khác thì ông cũng không yêu cầu họ phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, ông không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

+ Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Ông xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi cụ T2 chết thì cụ C3 ở trên đất trông nom, giữ gìn đất. Sau khi cụ C3 chết thì các con cháu đều cùng nhau trông nom, giữ gìn đất. Các anh em con cháu không cử ai là người trực tiếp đứng ra trông nom, giữ gìn đất của bố mẹ.

+ Về chi phí mai táng phí cho bố mẹ: Khi bố mẹ ông chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của bố mẹ ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về yêu cầu độc lập của chị P, anh T1 và anh D ông có ý kiến như sau: Đối với diện tích đất của cụ C3 vừa bán vừa cho ông T3 như thế nào ông không biết nhưng ông có biết việc ông T3 về ở với mẹ và làm nhà ra góc vườn ở từ năm 1998 hoặc 1999 đến khi ông T3 chết. Hiện tại diện tích đất này do anh D con ông T3 đang quản lý, sử dụng. Ông không chứng kiến việc mẹ ông cụ Phạm Thị C3 chuyển nhượng đất cho ông T3 năm 2003. Đối với chữ ký của ông trong giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/2015 là do thời điểm đó ông T3 có đem một tờ giấy đã có chữ viết sẵn đến gặp ông và nói ký hộ ông T3 vào tờ giấy đó để ông T3 bán 100m² đất của bố mẹ, để ông T3 lấy tiền chữa bệnh. Do là anh em ruột và ông cũng thấy hoàn cảnh của ông T3 khó khăn, bệnh tật nên ông đồng ý ký vào tờ giấy đó. Khi ký ông không đọc nội dung, bản thân ông nghĩ ông T3 cũng được quyền hưởng một phần tài sản của bố mẹ nên ông ký. Khi mẹ ông còn

sống, ông không được nghe mẹ ông nói về nội dung chuyển nhượng đất cho ông T3. Ông T3 cũng không nói cho ông về việc mẹ ông bán đất cho ông T3. Việc ông T3 xây nhà thì ông có biết nhưng thời gian ông T3 xây nhà vào khoảng năm 2000 thì bố mẹ ông vẫn còn sống nên ông là con không có quyền có ý kiến. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu độc lập của chị P, anh T1 và anh D.

Ông sinh năm 1964, đến nay đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên ông đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông.

- Ông **Phạm Đức C1** trình bày: Ông xác nhận thời gian cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản, diện tích đất thực tế sử dụng như các anh em trong gia đình trình bày là đúng. Khi còn sống bố mẹ ông tạo dựng được khối tài sản khoảng 4.000m² tại khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ) do khai hoang từ những năm 1970. Năm 1999 bố mẹ ông tách cho ông B 1.797,3m² đất và cho bà Q (Tuyết) 400m² đất và đều được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002 ông T3 ly hôn và lên phần đất của bố mẹ ông làm nhà ở một góc vườn việc mua bán tặng cho thế nào ông không biết, diện tích còn lại mẹ ông giao cho ông M1 toàn quyền sử dụng nhưng di chúc không được chứng thực sau này gia đình công bố di chúc nhưng nhiều người không thừa nhận, hiện tại không nắm được ai đang quản lý di chúc.

+ Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Ông xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi cụ T2 chết thì cụ C3 ở trên đất trông nom, giữ gìn đất. Sau khi cụ C3 chết thì các con cháu đều cùng nhau trông nom, giữ gìn đất. Các anh em con cháu không cử ai là người trực tiếp đứng ra trông nom, giữ gìn đất của bố mẹ. Ngày giỗ, tết thì anh em, con cháu cùng nhau góp tiền làm cỗ cho bố mẹ và ông C4. Hiện tại chỉ có ông **Phạm Đức B** ở gần đất và được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông **Phạm Đức C4**.

+ Về chi phí mai táng phí cho bố mẹ: Khi bố mẹ ông chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của bố mẹ ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về yêu cầu độc lập của chị P, anh T1 và anh D ông có ý kiến như sau: Về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 (bản viết tay) do phía con ông T3 giao nộp tại Tòa và yêu cầu Tòa án công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là hợp pháp. Ông hoàn toàn không biết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ **Phạm Thị C3** và ông **Phạm Đức T3** đối với diện tích đất 750m² thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (nay là thửa số:

4 tờ bản đồ: 08); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**. Ông chỉ được cụ **C3** nói lại là vừa bán vừa cho ông **T3** đất với số tiền là 50.000.000 đồng. Vào khoảng năm 2002 thì ông **T3** tiến hành làm nhà trên phần vị trí cụ **C3** nói vừa bán vừa cho ông **T3**.

Tại biên bản làm việc ngày 06/6/2025 ông có ý kiến: Vì đều là ruột thịt trong gia đình nên ông cùng với bà **Phạm Thị H1** và bà **Phạm Thị Q (T4)** đồng ý để cho các con ông **T3** được hưởng đủ số diện tích đất 750m² theo như giấy chuyển nhượng ngày 10/10/2003 với điều kiện các con ông **T3** phải từ chối nhận di sản thừa kế phần đất còn lại. Nếu các con ông **T3** không đồng ý theo ý kiến trên thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chia toàn bộ thừa đất trên của bố mẹ theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ. Đến nay do các anh em, con cháu trong gia đình không ngồi được với nhau để giải quyết vụ án nên với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông **H** và yêu cầu tuyên giấy chuyển nhượng của cụ **C3** lập ngày 10/10/2003 là hợp pháp, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ ông. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và ông xin nhận bằng đất. Về diện tích đất được chia bao nhiêu, vị trí được chia ở đâu do Hội đồng xét xử quyết định. Nếu ai được chia diện tích nhiều hơn thì ông không yêu cầu phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, ông không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

Ông sinh năm 1960, đến nay đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên ông đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông.

- Bà **Phạm Thị Q (T4)** trình bày: Bà xác nhận thời gian cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản, diện tích đất thực tế như các anh em trong gia đình trình bày là đúng. Quá trình chung sống bố mẹ bà tạo dựng được khối tài sản khoảng hơn 3.000m² tại **khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ)** do khai hoang từ những năm 1970. Năm 1999 bố mẹ bà tách cho ông **B** khoảng 1.000m² đất và tách cho bà 400m² đất. Sau khi bố mẹ bà cho 400m² gia đình bà tiếp tục khai hoang, năm 2006 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng hơn 1.800m². Năm 2005 bà xây dựng 01 nhà 03 tầng trên đất và bà được biết sau khi bố bà chết ông **T3** lên ở cùng với cụ **C3** và được cụ **C3** vừa bán, vừa cho ông **T3** khoảng 700m², hiện ông **T3** đã chết và con

ông T3 là anh Phạm Đoàn D đang quản lý sử dụng, diện tích đất còn lại nguyện vọng của mẹ bà là cho ông M1 một phần còn một phần làm nhà thờ, bà chỉ nghe nói ông M1 cho ông H khoảng 400m² trong số đất mẹ bà để lại nhưng cho thế nào bà không biết.

+ Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Bà xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi bố bà chết thì mẹ bà ở trên đất trông nom, giữ gìn đất. Sau khi mẹ bà chết thì các con cháu đều cùng nhau trông nom, giữ gìn đất. Ngày giỗ, tết thì anh em, con cháu cùng nhau góp tiền làm giỗ cho bố mẹ và ông C4. Hiện tại ông Phạm Đức B đang được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông Phạm Đức C4.

+ Về chi phí mai táng phí cho cụ bố mẹ: Khi bố mẹ bà chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của bố mẹ bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về yêu cầu độc lập của chị P, anh T1 và anh D bà có ý kiến như sau: Về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 (bản viết tay) do phía con ông T3 giao nộp tại Tòa và yêu cầu Tòa án công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là hợp pháp. Bà không chứng kiến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Thị C3 và ông Phạm Đức T3 đối với diện tích đất 750m². Bà chỉ được cụ C3 nói lại là vừa bán vừa cho ông T3 đất với số tiền là 50.000.000 đồng. Vào khoảng năm 2002 thì ông T3 làm nhà trên phần vị trí cụ C3 nói vừa bán vừa cho ông T3.

Bà thừa nhận chữ ký của bà trong giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất ngày 15/9/2015 do anh Phạm Đoàn D viết là đúng. Tại biên bản làm việc ngày 06/6/2025 bà có ý kiến: Vì đều là anh em, con cháu ruột thịt trong gia đình nên bà, ông Phạm Đức C1 và bà Phạm Thị H1 có đồng ý để cho các con ông T3 được hưởng đủ số diện tích đất 750m² theo như giấy chuyển nhượng ngày 10/10/2003 với điều kiện các con ông T3 phải từ chối nhận di sản thừa kế phần đất còn lại. Nếu các con ông T3 không đồng ý theo ý kiến trên thì đề nghị chia toàn bộ thừa đất trên của bố mẹ bà theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà xin thay đổi: Do các anh em, con cháu trong gia đình không ngồi được với nhau để giải quyết vụ án nên với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H và yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ C3 lập ngày 10/10/2003 là hợp pháp, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất thuộc di sản thừa kế của bố mẹ bà, đề nghị giữ nguyên làm nơi thờ cúng, trường hợp phải chia bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật và bà xin nhận bằng đất. Về diện

tích đất được chia bao nhiêu, vị trí được chia ở đâu do Hội đồng xét xử quyết định. Nếu phần di sản thừa kế của bà được chia ít hơn phần di sản thừa kế của người khác thì bà không yêu cầu họ phải thanh toán phần tiền chênh lệch cho bà. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, bà không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

Bà sinh năm 1962, đến nay đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên bà đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

- Bà **Phạm Thị H1** trình bày: Bà xác nhận thời gian cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản, diện tích đất thực tế như các anh em trong gia đình trình bày là đúng, bà không có ý kiến gì. Sinh thời bố mẹ bà tạo dựng được khối tài sản khoảng hơn 3.000m² đất tại khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ) do khai hoang từ những năm 1970. Năm 1999 bố mẹ bà tách cho ông **B** khoảng 1000m² đất và tách cho bà **T4** 400m² đất. Ông **B** và bà **Q** (**T4**) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Bà xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi bố bà chết thì mẹ bà ở trên đất trông nom, giữ gìn đất. Sau khi mẹ bà chết thì các con cháu đều cùng nhau trông nom, giữ gìn đất. Ngày giỗ, tết thì anh em, con cháu cùng nhau góp tiền làm giỗ cho bố mẹ và ông **C4**. Hiện tại ông **Phạm Đức B** đang được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông **Phạm Đức C4**.

+ Về chi phí mai táng phí cho cụ bố mẹ: Khi bố mẹ bà chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của bố mẹ bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về yêu cầu độc lập của chị **P**, anh **T1** và anh **D** bà có ý kiến như sau: Về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 (bản viết tay) do phía con ông **T3** giao nộp tại Tòa và yêu cầu Tòa án công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là hợp pháp. Bà không chứng kiến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ **C3** và ông **T3**. Ông **T3** ly thân với bà **H2** và về ở với bố mẹ bà. Sau khi ông **T3** về ở với bố mẹ bà thì bắt đầu xây nhà, thời điểm ông **T3** bắt đầu xây nhà thì bố mẹ bà đều còn sống. Bà chỉ được mẹ bà nói lại là vừa bán vừa cho ông **T3** đất với số tiền là 50.000.000 đồng, việc ông **T3** làm nhà và sinh sống trên đất thì các anh chị em, con cháu trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì.

Tại biên bản làm việc ngày 06/6/2025 bà có ý kiến: Vì đều là anh em, con cháu ruột thịt trong gia đình nên bà cùng ông **Phạm Đức C1** và bà **Phạm Thị Q**

(T4) có đồng ý để cho các con ông T3 được hưởng đủ số diện tích đất 750m² theo như giấy chuyển nhượng ngày 10/10/2003 với điều kiện các con ông T3 phải từ chối nhận di sản thừa kế phần đất còn lại. Nếu các con ông T3 không đồng ý theo ý kiến trên thì đề nghị chia toàn bộ thừa đất trên của bố mẹ bà theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà có ý kiến: Do các anh em, con cháu trong gia đình không ngồi được với nhau để giải quyết vụ án nên với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H và yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ C3 lập ngày 10/10/2003 là hợp pháp, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất thuộc di sản thừa kế của bố mẹ bà, đề nghị giữ nguyên làm nơi thờ cúng, trường hợp phải chia bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật và bà xin nhận bằng đất. Về diện tích đất được chia bao nhiêu, vị trí được chia ở đâu bà không có ý kiến. Nếu phần di sản thừa kế của bà được chia ít hơn phần di sản thừa kế của người khác thì bà không yêu cầu họ phải thanh toán phần tiền chênh lệch cho bà. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, bà không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

- Ông **Phạm Đức M1** trình bày: Ông xác nhận thời gian cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** chết và thành phần gia đình, nguồn gốc tài sản, diện tích đất thực tế sử dụng như các anh em trong gia đình trình bày là đúng, ông không có ý kiến gì. Sinh thời bố mẹ ông tạo dựng được khối tài sản là đất ở tại khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ) do khai hoang từ những năm 1970. Năm 2006 khi mẹ ông bệnh nặng qua đời đã di chúc lại cho ông diện tích đất còn lại, khi ông công bố di chúc, nhưng ông H, ông C2, bà T4 không công nhận di chúc vì di chúc không được chứng thực. Đến nay bản di chúc gốc bị thất lạc nên ông không thể giao nộp được cho Tòa án.

+ Về công sức tôn tạo, giữ gìn đất: Ông xác định không có công sức tôn tạo, duy trì đất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Từ sau khi bố ông chết thì ông và mẹ ở trên đất trông nom, giữ gìn đất. Sau khi mẹ ông chết thì vài năm đầu ông chưa lập gia đình nên ở trên ngôi nhà của bố mẹ, sau đó năm 2008 ông lập gia đình thì các con cháu đều cùng nhau trông nom, giữ gìn đất. Ngày giỗ, tết thì anh em, con cháu cùng nhau góp tiền làm giỗ cho bố mẹ và ông C4. Hiện tại ông **Phạm Đức B** đang được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông **Phạm Đức C4**.

+ Về chi phí mai táng phí cho cụ bố mẹ: Khi bố mẹ ông chết các anh chị em, con cháu đều có trách nhiệm đứng ra làm ma nên tiền chi phí mai táng phí của bố mẹ ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về yêu cầu độc lập của chị P, anh T1 và anh D ông có ý kiến như sau: Về giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 (bản viết tay) do phía con ông T3 giao nộp tại Tòa và yêu cầu Tòa án công nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là hợp pháp. Ông thừa nhận có ký vào bên phần người làm chứng trong giấy chuyển nhượng trên. Ông T3 là người trực tiếp viết giấy và bảo ông ký. Ông không được chứng kiến trực tiếp việc chuyển nhượng đất giữa mẹ ông và ông T3. Việc chuyển nhượng thì mẹ ông có nói với ông, còn việc giao nhận tiền giữa mẹ ông và ông T3 thì ông không được biết.

Ông T3 lấy vợ và ra ở đất khác do bố mẹ ông cho tại khu L (cho ông C1, ông L1, bà C và ông T3). Sau đó ông T3 ly thân năm 1998 thì về ở cùng bố mẹ. Đến năm 2000 bố ông chết, ông T3 xây nhà bắt đầu khoảng năm 2000 (Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ thời điểm ông T3 xây nhà thì bố ông mất hay chưa). Ông T3 từ năm 1998 – 1999 ly thân với bà H2 nên thường xuyên đi, về ở với bố mẹ. Từ khi ông T3 làm nhà xong thì ông T3 và con trai là Phạm Đoàn D ở, sau khi ông T3 chết thì anh D tiếp tục ở cho đến nay. Các anh chị em, con cháu đều không ai có ý kiến gì về việc ông T3 làm nhà và ở trên phần đất mẹ ông vừa bán vừa cho ông T3. Do vậy, với yêu cầu độc lập của các con ông T3 thì ông đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

+ Về yêu cầu khởi kiện của ông H chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ ông. Quan điểm của ông đề nghị giữ nguyên làm nơi thờ cúng, trường hợp phải chia ông đề nghị chia cho ông bằng đất. Về diện tích đất được chia bao nhiêu, vị trí được chia ở đâu ông không có ý kiến gì. Nếu phần di sản thừa kế của ông được chia ít hơn phần di sản thừa kế của người khác thì ông không yêu cầu họ phải thanh toán phần tiền chênh lệch cho ông. Ai được chia đất ở vị trí nào thì được sở hữu, sử dụng tài sản có trên đất ở vị trí đó, ông không đề nghị giải quyết về tài sản trên đất.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày bản luận cứ:**

- Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của các con ông T3 là chị Phạm Lan P, anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D. Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/10/2003 của cụ Phạm Thị C3 là không có hiệu lực pháp luật với các lý do sau:

+ Cụ C3 không có quyền chuyển nhượng vì đây là di sản thừa kế chưa chia của cụ T2, trong khi đó vào năm 2002 - 2003 cụ C3 liên tiếp làm các giấy tờ gồm: Đơn xin nhượng thừa kế ngày 20/4/2002 cho ông M1 1.525m² đất; sau đó ngày 23/4/2002 ông M1 lại cắt cho ông H 400m² một phần đất của cụ C3 cho ông

M1; ngày 10/10/2003 cụ C3 lại viết giấy nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3 vẫn cùng vị trí đất này.

+ Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 của cụ C3 không được công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền.

+ Về nội dung của Hợp đồng: Là một dạng hợp đồng giả cách, vì thời điểm đó ông H, ông C2 lên đòi đất diện tích 400m² nên bà C3 làm giấy chuyển nhượng để làm yên lòng các con.

+ Giấy chuyển nhượng đất làm năm 2003. Tuy nhiên đến năm 2006 cụ C3 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3 khi đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Các đồng thừa kế đều không thừa nhận biết việc chuyển nhượng. Tại phiên tòa, anh D là con trai ông T3 khẳng định bố anh có trả cho cụ C3 số tiền 50.000.000 đồng (gồm 30.000.000 đồng do ông T3 tích cóp và 20.000.000 đồng vay của bà T4) để cụ C3 đưa cho ông M1 mua nhà ở thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, bà T4 khẳng định không có việc bà cho ông T3 vay 20.000.000 đồng để đưa cho cụ C3 mà số tiền trên ông T3 nói để cho anh D mở cửa hàng điện thoại.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Chia di sản thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ C3 với tổng diện tích đất thực tế sử dụng là 2.096,7m² đất.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

* Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 129, Điều 501, Điều 502 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 3, Điều 26, Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Lan P; anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D.

Công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ **Phạm Thị C3** lập ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông **Phạm Đức T3** phần diện tích 750m² đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299), nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006, phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm: 6, 7, 22, 23, 6.

Các tài sản trên đất do ông **T3** và anh **D** làm gồm: 01 nhà cấp 4, 01 công trình phụ (nhà kho) giáp nhà cấp 4, 01 mái tôn giáp nhà cấp 4, sân lát gạch đỏ vuông và một số cây cối, lâm mộc trên đất.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đức H**. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** như sau:

Phần diện tích đất làm lối đi chung nằm ở vị trí giữa của đất (giáp với phần cụ **C3** chuyển nhượng cho ông **T3**) có diện tích là 229,7m² và các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất nằm trong giới hạn các điểm: 7, 34, 10A, 10B, 7 thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299); nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường V, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006. Các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với phần đất làm lối đi chung được tháo dỡ.

+ Chia cho ông **Phạm Đức H** vị trí đất giáp đường dân sinh và lối đi mới mở, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 95,9m² được giới hạn bởi các điểm: 34, 35, 32, 31, 34.

+ Chia cho ông **Phạm Đức C2** vị trí đất giáp đường dân sinh và giáp đất ông **H** được chia, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 108,9m² được giới hạn bởi các điểm: 35, 8, 33, 32, 35.

+ Chia cho ông **Phạm Đức M1** vị trí đất giáp đường dân sinh, giáp đất nhà ông **B** và giáp đất chia cho ông **C2**, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 111,3m², được giới hạn bởi các điểm: 8, 9, 22, 33, 8.

+ Chia cho ông **Phạm Đức C1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **H**, ông **C2** và ông **M1** trên đất có một phần bếp xây năm 1995 và một số cây cối lâm mộc trên đất; đất có diện tích 120,5m² được giới hạn bởi các điểm: 22, 23, 30, 31, 22.

+ Chia cho bà **Phạm Thị Q (T4)** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **C1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,6m² được giới hạn bởi các điểm: 23, 24, 29, 30, 23.

+ Chia cho bà **Phạm Thị Hương vị T6** đất giáp với phần đất chia cho bà **Q** (Tuyết), trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,7m² được giới hạn bởi các điểm: 24, 25, 28, 29, 24.

+ Chia cho ông **Phạm Đức L1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho bà **H1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 139m² được giới hạn bởi các điểm: 25, 26, 27, 28, 25.

+ Chia cho ông **Phạm Đức B** vị trí đất giáp đất chia cho ông **L1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc trên đất, đất có diện tích là 179,1m², được giới hạn bởi các điểm: 26, 10, 10A, 27, 26.

+ Chia cho chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D** (là con của ông **Phạm Đức T3**) diện tích đất 121,0m² vị trí đất giáp với phần đất ông **T3** nhận chuyển nhượng có diện tích là 750m², trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, 01 công trình phụ (nhà kho), giáp nhà cấp 4, 01 mái tôn giáp nhà cấp 4, sân lát gạch đỏ vuông và một số cây cối, lâm mộc trên đất. Tổng cộng là 871m² đất, được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 12, 1.

Diện tích đất ông **H**, ông **B**, ông **L1**, ông **C1**, ông **C2**, bà **Q (T4)**, bà **H1**, ông **M1** và chị **P**, anh **T1**, anh **D** được chia đều là đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299); nay là thửa số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** đã được **Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ)** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông **Phạm Đức H** khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** để lại theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **Phạm Đức B** và bà **Phạm Thị T4** (Quyết) và được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D** có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 giữa cụ **Phạm Thị C3** và ông **Phạm Đức T3** là có hiệu lực pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm lần 1, chị **P**, anh **T1** và anh **D** chỉ giao nộp cho Tòa án bản phô tô giấy chuyển nhượng đất nên không được Tòa án xem xét, giải quyết. Tại cấp Phúc Thẩm, anh **T1** đã giao nộp được cho Tòa án bản chính giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 và giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất năm 2015. Do đây là tài liệu mới có tại phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ) đã hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS – ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ) giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn ông **Phạm Đức H** có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản là bất động sản có địa chỉ tại **phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ)** của cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** để lại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà **Phạm Thị T4** (Quyết) và ông **Phạm Đức B** đối với diện tích đất có nguồn gốc của bố mẹ ông **H** để lại như nêu trên và chia thừa kế đối với diện tích đất 5.782m² (gồm cả đất đứng tên bà **T4 (Q)** và ông **B**) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án ông **H** xin rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông **B** và bà **T4 (Q)** và không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đứng tên ông **B** và bà **T4 (Q)**. Nay ông **H** chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ **T2** và cụ **C3** để lại là quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** có diện tích là 2.105,7m² thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (nay là thửa số: 4 tờ bản đồ: 8) (đo đạc thực tế là 2.096,7m² đất); Địa chỉ: **Khu H,**

phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 và cụ T2. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông H là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đức B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[4]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án; thời hiệu khởi kiện:

- Về áp dụng pháp luật: Do hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Đức T2 và cụ Phạm Thị C3 không tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế nên ông Phạm Đức H làm đơn khởi kiện đến Tòa án năm 2019 yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ T2 và cụ C3 để lại nên pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Đức T2, (chết ngày 06/02/2000) và cụ Phạm Thị C3, (chết ngày 11/01/2007). Đến năm 2019 ông Phạm Đức H làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án vào tháng 6/2019 nên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015: “1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản”.

- Về yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Lan P, anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” do ông Phạm Đức H khởi kiện. Phía chị P, anh T1 và anh D có yêu cầu độc lập và được Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập về việc “Yêu cầu công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ Phạm Thị C3 lập ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông Phạm Đức T3 diện tích 750m² đất là hợp pháp”. Thấy rằng, việc chuyển nhượng đất giữa cụ C3 và ông T3 phát sinh kể từ ngày 10/10/2003, do các bên phát sinh tranh chấp nên

pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, về hình thức và nội dung của Hợp đồng về quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, thì Luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung:

Trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu thu thập được xác định như sau: Thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299), nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000), có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.105,7m² (đất thổ cư) qua đo đạc thực tế là 2.096,7m² (nhỏ hơn diện tích được cấp là 09m²) có địa chỉ tại: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ). Có nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2006 đứng tên bà Phạm Thị C3. Thửa đất trên là tài sản chung của cụ T2 và cụ C3. (Gọi tắt là thửa đất số: 4).

Năm 2000 cụ T2 chết, khi chết không để lại di chúc. Ông Phạm Đức T3 là con trai cụ T2 và cụ C3. Trước đó ông T3 kết hôn với bà Đoàn Thị H2 ra ở riêng tại khu L. Khoảng năm 1998 – 1999 ông T3 và bà H2 sống ly thân, ông T3 về ở với cụ T2 và cụ C3 từ những năm 1998 – 1999, sau khi về ở cùng bố mẹ thì ông T3 làm 01 lán nhỏ để sinh sống, sau đó ông T3 làm nhà cấp 4 trên phần đất cụ C3 chuyển nhượng đến năm 2000 thì xây xong. Sau khi xây nhà cấp 4 xong thì ông T3 cùng con trai là anh Phạm Đoàn D ở trên ngôi nhà này. Ngày 10/10/2003 cụ C3 viết giấy nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3 có diện tích 750m² (diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Phạm Thị C3). Năm 2016 ông T3 chết không để lại di chúc, toàn bộ diện tích đất này hiện anh Phạm Đoàn D (con trai ông T3) đang quản lý, sử dụng. Ông T3 có 03 người con gồm: Chị Phạm Lan P, anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D. Chị P, anh T1 và anh D yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng trên là hợp pháp.

Đối với di chúc với tiêu đề đơn xin nhượng quyền thừa kế của cụ Phạm Thị C3 lập 22/4/2002 nhượng lại 1.525m² đất cho ông Phạm Đức M1 bản phô tô. Năm 2006 cụ C3 chết, quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu ông M1 xuất trình cho Tòa án bản gốc của văn bản trên nhưng ông M1 không cung cấp được, đồng thời các đương sự khác không thừa nhận bản di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “1. Tài liệu đọc được nội dung

được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”. Như vậy, bản di chúc phô tô không được coi là chứng cứ để Tòa án xem xét tính hợp pháp.

[6]. Về việc chuyển nhượng đất giữa cụ **Phạm Thị C3** và ông **Phạm Đức T3**: Ngày 10/10/2003 cụ **Phạm Thị C3** có chuyển nhượng cho ông **Phạm Đức T3** (con trai cụ **C3**) diện tích đất 750m² mảnh đất hình tứ giác (có chiều dài một phía là 50m; chiều dài một phía là 40m; chiều rộng mặt đường là 20m; chiều rộng phía cuối đất là 11m) nằm trong thửa đất số: 4, thửa đất trên là tài sản hợp pháp của cụ **T2** và cụ **C3**. Giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng. Ông **T3** đã trả đủ số tiền trên cho cụ **C3**. Hai bên chỉ viết giấy tay chưa làm thủ tục công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền (trong giấy chuyển nhượng đất có chữ ký của cụ **Phạm Thị C3** và chữ ký của người làm chứng ông **Phạm Đức M1**, không có chữ ký của bên nhận chuyển nhượng ông **Phạm Đức T3**).

Tòa án đã làm việc với ông **Nguyễn Văn C6** – Nguyên tổ trưởng khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ) cung cấp như sau: Ông ở gần nhà cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3**. Cụ **T2** và cụ **C3** có 11 người con, có một người con là **Phạm Đức C4** hy sinh khi còn trẻ. Từ nhỏ đến lớn thì những người con đều sống cùng các cụ tại khu hành chính 16, đến khi lớn lập gia đình thì các cụ chia đất cho các con ở chỗ khác gồm: Ông **L1**, ông **C1**, bà **C** và ông **T3**. Về ông **T3** trước đây kết hôn với bà **Đoàn Thị H2** và sinh được 03 người con gồm: Chị **P**, anh **T1** và anh **D**. Khoảng năm 1999- 2000 ông **T3** về ở với cụ **T2**, cụ **C3**. Khi ông **T3** về ở có làm nhà cấp 4, khi còn sống ông **T3** ở trên ngôi nhà này. Thời điểm ông **T3** xây nhà ông có nghe nói cụ **C3** cho ông **T3** đất để làm nhà ở (việc mua bán tặng cho này không có sự chứng kiến của trưởng khu). Do thời gian đã lâu nên ông không nhớ chính xác thời điểm ông **T3** xây nhà cụ **T2** còn sống hay đã chết. Tuy nhiên, việc ông **T3** được cụ **C3** cho đất làm nhà ở thì toàn bộ các con cháu cụ **C3**, cụ **T2** đều biết. Từ khi ông làm trưởng khu đến khi ông nghỉ là năm 2013 ông không thấy có đơn từ gì về việc ông **T3** làm nhà trên đất của cụ **T2**, cụ **C3**.

Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày không thống nhất về việc thời điểm ông **T3** xây nhà cụ **T2** còn sống hay đã chết nhưng họ đều xác định mốc thời gian ông **T3** xây nhà từ khoảng năm 1999 đến năm 2002 là có thật, các anh em, con cháu trong gia đình đều biết và đều nghe nói về việc cụ **C3** vừa bán vừa cho ông **T3** đất của bố mẹ nhưng không ai có ý kiến gì. Sau khi xây nhà ông **T3** và con trai **Phạm Đoàn D** ở, sau khi ông **T3** chết thì anh **Phạm Đoàn D** quản lý, sử dụng.

[6.1] Xét yêu cầu công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ **Phạm Thị C3** lập ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông **Phạm Đức T3** diện tích 750m² đất là hợp pháp của chị **P**, anh **T1** và anh **D** (là các con ông **T3**), thấy rằng:

- Về đối tượng của giao dịch dân sự là quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quyền sử dụng 750m² đất thổ cư nằm trong thửa đất số: 4 được Ủy ban nhân dân thị xã **V**, tỉnh **Vĩnh Phúc** (nay là phường **V**, tỉnh **Phú Thọ**) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/12/2006 đứng tên bà **Phạm Thị C3**. Qua xem xét thẩm định, trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 xây năm 1998 – 1999 hoàn thiện xong năm 2000 sửa năm 2010 có diện tích 170,5m²: Hết khấu hao, không định giá; 01 công trình phụ (nhà kho), giáp nhà cấp 4 xây năm 2010 có diện tích 20m²: Hết khấu hao, không định giá; 01 mái tôn giáp nhà cấp 4 (ông **T3** làm), làm năm 2019 (anh **D** làm) có diện tích 39m² có giá là: 137.413 đồng/ 01m² x 39m² = 5.359.107 đồng; Sân lát gạch đỏ vuông làm năm 2010 có diện tích là 300m²: Hết khấu hao, không định giá.

- Về nguồn gốc đất chuyển nhượng: Qua xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều xác định nguồn gốc thửa đất số: 4 là của cụ **Phạm Thị C3** và cụ **Phạm Đức T2**.

- Xét về điều kiện chuyển nhượng: Căn cứ điểm b.1 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, Hôn nhân và gia đình quy định: “b) Xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có đầy đủ các điều kiện được hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.3 mục 2 này.

b.1) Đối với hợp đồng được giao kết trước ngày 01/7/2004 vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nhưng đã có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, mà có phát sinh tranh chấp, nếu từ ngày 01/7/2004 mới có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì không coi là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện này.”

Như vậy, mặc dù tại thời điểm chuyển nhượng ngày 10/10/2003, cụ **C3** chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đến ngày 25/12/2006, cụ **C3** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất (trong đó có phần đất chuyển nhượng cho ông **T3**) nên không coi là vi phạm điều kiện về việc khi cụ **C3** chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông **T3** mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Xét về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấy rằng: Cụ **Phạm Thị C3** chuyển nhượng 750m² đất cho ông **Phạm Đức T3** bằng giấy viết tay, không qua công chứng chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức của Bộ luật này, pháp luật về Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan”, theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013 thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, giao dịch trên giữa cụ **Phạm Thị C3** và ông **Phạm Đức T3** là vô hiệu về hình thức. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện công chứng, chứng thực”.

- Về quyền chuyển nhượng: Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ **T2** và cụ **C3**. Thời điểm cụ **C3** chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông **T3** thì cụ **T2** đã chết, do đó cụ **C3** có quyền chuyển nhượng trong phần quyền sử dụng đất của mình là ½, tương đương với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.052,85m², đo đạc thực tế là 1.048,35m² đất. Tuy nhiên, cụ **C3** chỉ chuyển nhượng cho ông **T3** 750m² đất nên cụ **C3** hoàn toàn có quyền chuyển nhượng cho ông **T3** trong phạm vi phần quyền sử dụng của mình.

[6.2]. Căn cứ vào quy định trên, mặc dù việc chuyển nhượng đất giữa cụ **C3** và ông **T3** có vi phạm về điều kiện chuyển nhượng, vi phạm về hình thức. Tuy nhiên, trên thực tế cụ **C3** đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất cho ông **T3** là 50.000.000 đồng; việc chuyển nhượng có sự chứng kiến của ông **Phạm Đức M1** (là người con khác của cụ **C3** và cụ **T2**). Ông **T3** và con trai ông **T3** là anh **Phạm Đoàn D** đã xây nhà, làm các công trình phụ và sử dụng đất từ những năm 1999 – 2000 đến nay.

Mặt khác, trên thực tế cụ **C3** chỉ chuyển nhượng một phần cho ông **T3** diện tích phần đất có diện tích 750m², không vượt quá ½ tài sản của cụ **C3** trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ **C3** và cụ **T2**.

Từ các phân tích trên thấy rằng: Yêu cầu công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ **Phạm Thị C3** lập ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông **Phạm Đức T3** phần diện tích 750m² đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7

(theo bản đồ 299), nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006 là hợp pháp là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm: 6, 7, 22, 23, 6. Trên đất có các tài sản do ông **T3** và anh **D** làm gồm: 01 nhà cấp 4, 01 công trình phụ (nhà kho) giáp nhà cấp 4, 01 mái tôn giáp nhà cấp 4, sân lát gạch đỏ vuông và một số cây cối, lâm mộc trên đất, (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[7]. Xét yêu cầu khởi chia di sản thừa kế thấy rằng:

Kể từ thời điểm cụ **T2** và cụ **C3** chết hàng thừa kế thứ nhất xảy ra tranh chấp nên không thống nhất được với nhau về việc chia di sản thừa kế của cụ **T2** và cụ **C3** để lại nên đã phát sinh tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế.

[7.1]. Về thời điểm mở thừa kế; hàng thừa kế; di sản thừa kế của cụ **T2** và cụ **C3** trong khối tài sản chung của vợ chồng: Theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”.

- Về người thừa kế được xác định theo quy định tại Điều 613 của Bộ luật dân sự năm 2015 là “Người còn sống tại thời điểm mở thừa kế”,

+ Thời điểm mở thừa kế của cụ **T2** là ngày 06/02/2000, hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T2** gồm: Cụ **Phạm Thị C3**, bà **Phạm Thị C**, ông **Phạm Đức T3**, ông **Phạm Đức L1**, ông **Phạm Đức C1**, bà **Phạm Thị Q (T4)**, ông **Phạm Đức H**, ông **Phạm Đức C2**, bà **Phạm Thị H1**, ông **Phạm Đức B** và ông **Phạm Đức M1** (11 người).

+ Thời điểm mở thừa kế của cụ **C3** là ngày 11/01/2007 hàng thừa kế thứ nhất của cụ **C3** gồm: Bà **Phạm Thị C**, ông **Phạm Đức T3**, ông **Phạm Đức L1**, ông **Phạm Đức C1**, bà **Phạm Thị Q (T4)**, ông **Phạm Đức H**, ông **Phạm Đức C2**, bà **Phạm Thị H1**, ông **Phạm Đức B** và ông **Phạm Đức M1** (10 người).

- Bà **Phạm Thị C** quá trình giải quyết vụ án có đơn từ chối nhận di sản thừa kế của cụ **C3** và cụ **T2**, việc từ chối nhận di sản của bà **C** phù hợp theo quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 “1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản thừa kế, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác. Việc từ chối nhận di sản thừa kế phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản”. Xét thấy, việc từ chối nhận di sản thừa kế của bà **C** không nhằm mục đích trốn tránh thực thi nghĩa vụ của mình đối với người khác và việc từ chối được bà **C** thể hiện bằng văn bản gửi đến

Tòa trước thời điểm phân chia tài sản nên cần chấp nhận việc từ chối nhận di sản thừa kế của bà C.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ C3 gồm 09 người: Ông Phạm Đức L1, ông Phạm Đức C1, bà Phạm Thị Q (T4), ông Phạm Đức H, ông Phạm Đức C2, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Đức B, ông Phạm Đức M1 và chị Phạm Lan P, anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D (là người thừa kế của ông Phạm Đức T3).

[7.2]. Về phần công sức tôn tạo, giữ gìn đất và cải tạo tài sản trên đất; nghĩa vụ của người chết để lại; chi phí mai táng phí của cụ T2 và cụ C3: Ông H, ông C1, ông C2, bà Q (T4), bà H1 và ông M1 đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với ông Phạm Đức B do ông B là người ở giáp với đất của cụ T2, cụ C3 nên kể từ sau khi cụ C3 chết ông được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông Phạm Đức C4. Mừng 1, ngày rằm hàng tháng ông là người thắp hương cho bố mẹ cùng ông C4 và trông coi đất. Do vậy, cần tính một phần công sức trông coi, duy trì đất cho ông B tương đương bằng 40m² đất có giá trị là 480.000.000 đồng,

[7.3] Về di sản thừa kế của người chết để lại: Di sản thừa kế của cụ T2 và cụ C3 để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 4 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.105,7m² (đất thổ cư) qua đo đạc thực tế là 2.096,7m² (nhỏ hơn diện tích được cấp là 09m²); địa chỉ: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ).

Do giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2003 giữa cụ Phạm Thị C3 và ông Phạm Đức T3 là hợp pháp với diện tích chuyển nhượng là 750m² thuộc thửa đất tại thửa đất số: 4; địa chỉ: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ). Nên di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T2 còn lại là 1.346,7m². Qua xem xét, thẩm định và định giá tài sản trên đất có các tài sản và có giá trị như sau:

- + 01 nhà cấp 4 xây năm 1980 có diện tích là 79m²: Hết khấu hao, không định giá.

- + 01 công trình phụ (giếng + nhà tắm) xây năm 1995 có diện tích 34m²: Hết khấu hao, không định giá.

- + Tường bao loan xây xung quanh đất có chiều cao khoảng 2,5m xây năm 1999 – 2000: Hết khấu hao, không định giá.

- + Giá trị đất tại nơi tranh chấp có giá là 12.000.000 đồng/01m² (đất thổ cư).

[7.4] Về hình thức chia di sản:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 và cụ T2 đều đề nghị được chia bằng đất. Thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự thì: “Những người thừa kế có quyền yêu cầu chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật...”. Thửa đất số: 4, diện tích còn lại để chia là 1.346,7m²; có chiều rộng mặt đường là 18,62m; chiều dài đất là 25,22m (trong đó toàn bộ 1.346,7m² là đất thổ cư). Với diện tích và hiện trạng đất như trên thì có thể chia được bằng hiện vật (đất). Do vậy, Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc di sản thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ C3 là đúng quy định của pháp luật.

- Do diện tích đất của cụ T2, cụ C3 để lại có diện tích đất lớn, các đương sự đều đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật (đất) nhưng diện tích mặt đường dân sinh không đủ để chia đều cho những người được hưởng thừa kế. Do vậy, cần mở một đường đi làm lối chung để chia đất cho những người được hưởng di sản thừa kế, đối với những thửa đất được chia theo lối đi mới theo quy định tại Quyết định số: 116/QĐ – UBND ngày 01/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc quy định cụ thể một số điều của Luật đất đai và Nghị định trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh P có chiều rộng mặt ngõ của đất tại đô thị có chiều rộng tối thiểu là 3,50m.

Đối với với lối đi chung của thửa đất trên sẽ được mở như sau: Phần lối đi chung có diện tích là 229,7m², có chiều rộng phía giáp đường dân sinh là 3,99m kéo dài về phía cuối đất có chiều rộng là 3,50m. Phần diện tích còn lại là 1.117m² đất thổ cư, sau khi trừ đi 40m² công sức ông B được hưởng, sẽ chia làm 09 phần, vị trí đất được chia ở giáp đường dân sinh sẽ có giá trị cao hơn vị trí phía sau. Vì lẽ công bằng nên Hội đồng xét xử cắt những thửa đất phía trong có lối đi mới mở có diện tích rộng hơn thửa đất phía trước giáp đường dân sinh và không buộc những người được chia phần đất phía trong giáp lối đi mới mở không phải thanh toán chênh lệch bằng tiền cho những người thừa kế được chia giáp trực chính đường dân sinh.

Tại phiên tòa ông H, ông C2, bà Q (T4), bà H1, ông C1, ông M1 và các con ông T3 là anh T1, chị P, anh D đều đồng ý nếu phần mình được chia bằng đất có diện tích nhỏ hơn diện tích đất hàng thừa kế khác được chia thì cũng không yêu cầu thanh toán tiền chênh lệch. Thấy rằng, ý kiến trên của các đương sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Cụ thể phân di sản của cụ T2 và cụ C3 để lại cho những người được hưởng thừa kế như sau:

+ Phần diện tích đất làm lối đi chung nằm ở vị trí giữa của thửa đất (giáp với phần cụ C3 chuyển nhượng cho ông T3) có diện tích là 229,7m² và các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất nằm trong giới hạn các điểm: 7, 34, 10A, 10B, 7 thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299); nay là thửa số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006. Các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với phần đất làm lối đi chung được tháo dỡ.

+ Chia cho ông **Phạm Đức H** vị trí đất giáp đường dân sinh và đường mới mở, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980: Hết khấu hao, giá trị 0 đồng; đất có diện tích là 95,9m² có giá trị là: 1.150.800.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 34, 35, 32, 31, 34.

+ Chia cho ông **Phạm Đức C2** vị trí đất giáp đường dân sinh và giáp đất ông **H** được chia, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980: Hết khấu hao, giá trị 0 đồng; đất có diện tích là 108,9m² có giá trị là 1.306.800.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 35, 8, 33, 32, 35.

+ Chia cho ông **Phạm Đức M1** vị trí đất giáp đường dân sinh, giáp đất nhà ông **B** và giáp đất ông **C2** được chia, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980: Hết khấu hao, giá trị 0 đồng; đất có diện tích là 111,3m² có giá trị là 1.335.600.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 33, 8, 9, 22, 33.

+ Chia cho ông **Phạm Đức C1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **H**, ông **C2** và ông **M1** trên đất có một phần bếp xây năm 1995 và một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,5m² có giá trị là 1.446.000.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 8, 9, 22, 33, 8.

+ Chia cho bà **Phạm Thị Q (T4)** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **Phạm Đức C1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,6m² có giá trị là 1.447.200.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 23, 24, 29, 30, 23.

+ Chia cho bà **Phạm Thị Hương vị T6** đất giáp với phần đất chia cho bà **Q** (Tuyết), trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,7m² có giá trị là 1.448.400.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 24, 25, 28, 29, 24.

+ Chia cho ông **Phạm Đức L1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho bà **H1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 139m² có giá trị là 1.668.000.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 25, 26, 27, 28, 25.

+ Đối với ông **Phạm Đức B**, do ông **B** là người ở giáp với đất của bố mẹ, nên kể từ sau khi cụ **C3** chết ông được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ của ông **Phạm Đức C4**. Mừng 1, ngày rằm ông là người thấp hương cho bố mẹ cùng ông **C4** và trông nom, duy trì đất. Ông **B** đã có đất ở nhưng mong muốn để lại đất làm nhà thờ nếu không được ông đề nghị được chia bằng đất. Như vậy, phần chia của ông **B** gồm 40m² đất có giá trị là 480.000.000 đồng là công sức trông nom, duy trì di sản và phần di sản thừa kế ông **B** được hưởng là 139,1m² có giá trị là 1.669.200.000 đồng. Tổng cộng ông **B** được chia là 179,1m² đất có giá trị là 2.149.200.000 đồng, vị trí đất ông **B** được chia giáp với đất chia cho ông **L1** ở phần cuối đất, trên đất có một số cây cối, lâm mộc, đất được giới hạn bởi các điểm: 26, 10, 10A, 27, 26.

+ Chia cho chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D** (là con của ông **Phạm Đức T3**) vị trí đất giáp với phần đất ông **T3** nhận chuyển nhượng có diện tích là 121,0m² trên đất có 01 sân gạch, một số cây cối lâm mộc, đất có giá trị là 1.452.000.000 đồng, được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 23, 12, 22, 12, 1.

Do phần đất được chia là di sản thừa kế của cụ **C3** và cụ **T2** để lại nằm liền kề với phần đất cụ **C3** chuyển nhượng cho ông **T3** nên sẽ được chia gộp làm một, tổng diện tích là 871m² đất, được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 12, 1.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Ông **Phạm Đức L1**, ông **Phạm Đức C1**, ông **Phạm Đức C2**, bà **Phạm Thị Q (T4)** phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản của mình được chia. Ông **Phạm Đức H** phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản của mình được chia và án phí đối với yêu cầu độc lập của chị **P**, anh **T1** và anh **D** được tòa án chấp nhận.

Tuy nhiên, ông **H**, ông **L1**, ông **C1**, ông **C2**, bà **Q (T4)** thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông **Phạm Đức B** là người thờ cúng liệt sỹ (ông **Phạm Đức C4**), theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B thuộc trường hợp được miễn tiền án phí sơ thẩm. Tuy nhiên ông B đều vắng mặt tại phiên toà không có đơn xin miễn án phí nên ông B vẫn phải chịu án phí trên phần giá trị của mình được chia.

Bà Phạm Thị H1; ông Phạm Đức M1; chị Phạm Lan P; anh Phạm Đức T1; anh Phạm Đoàn D phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản của mình được chia, cụ thể:

- Đối với yêu cầu công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất của ông B được chấp nhận bằng 40m² đất tương đương với 480.000.000 đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B là người thuộc diện thừa kế phải chịu án phí đối với phần yêu cầu công sức gìn giữ, tôn tạo quyền sử dụng đất. Ngoài ra, ông B còn phải chịu án phí đối với phần di sản của mình được chia là 1.669.200.000 đồng. Tổng cộng ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.149.200.000 đồng = 72.000.000 đồng + (149.200.000 đồng x 2 % = 2.984.000 đồng) = 74.984.000 đồng.

Bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí trên phần giá trị của mình được chia với số tiền là 1.448.400.000 đồng = 36.000.000 đồng + (648.400.000 đồng x 3% = 19.452.000 đồng) = 55.452.000 đồng.

Ông Phạm Đức M1 phải chịu án phí trên phần giá trị của mình được chia với số tiền là: 1.335.600.000 đồng = 36.000.000 đồng + (535.600.000 đồng x 3% = 16.068.000 đồng) = 52.068.000 đồng.

Chị Phạm Lan P; anh Phạm Đức T1 và anh Phạm Đoàn D phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản của mình được chia với số tiền là 1.452.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (652.000.000 đồng x 3% = 19.578.000 đồng) = 55.578.000 đồng.

[9] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ông Phạm Đức H và anh Phạm Đức T1 tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 129, Điều 501, Điều 502 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 3, Điều 26, Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ các Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 144, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị **Phạm Lan P**; anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D**.

Công nhận giấy nhượng quyền sử dụng đất do cụ **Phạm Thị C3** lập ngày 10/10/2003 chuyển nhượng cho ông **Phạm Đức T3** phần diện tích 750m² đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299), nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ**, được **Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ)** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006, phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm: 6, 7, 22, 23, 6.

Các tài sản trên đất do ông **T3** và anh **D** làm gồm: 01 nhà cấp 4, 01 công trình phụ (nhà kho) giáp nhà cấp 4, 01 mái tôn giáp nhà cấp 4, sân lát gạch đỏ vuông và một số cây cối, lâm mộc trên đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đức H**. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ **Phạm Đức T2** và cụ **Phạm Thị C3** như sau:

Phần diện tích đất làm lối đi chung nằm ở vị trí giữa của đất (giáp với phần cụ **C3** chuyển nhượng cho ông **T3**) có diện tích là 229,7m² và các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất nằm trong giới hạn các điểm: 7, 34, 10A, 10B, 7 thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299); nay là thửa đất số: 4, tờ bản đồ 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** được **Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường V, tỉnh Phú Thọ)** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006. Các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với phần đất làm lối đi chung được tháo dỡ.

2.1. Chia cho ông **Phạm Đức H** vị trí đất giáp đường dân sinh và lối đi mới mở, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 95,9m² được giới hạn bởi các điểm: 34, 35, 32, 31, 34.

2.2. Chia cho ông **Phạm Đức C2** vị trí đất giáp đường dân sinh và giáp đất ông **H** được chia, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và

tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 108,9m² được giới hạn bởi các điểm: 35, 8, 33, 32, 35.

2.3. Chia cho ông **Phạm Đức M1** vị trí đất giáp đường dân sinh, giáp đất nhà ông **B** và giáp đất chia cho ông **C2**, trên đất có 01 phần ngôi nhà cấp 4 xây năm 1980, 01 phần sân gạch và tường hoa phía trước nhà cấp 4 làm năm 1980; đất có diện tích là 111,3m², được giới hạn bởi các điểm: 8, 9, 22, 33, 8.

2.4. Chia cho ông **Phạm Đức C1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **H**, ông **C2** và ông **M1** trên đất có một phần bếp xây năm 1995 và một số cây cối lâm mộc trên đất; đất có diện tích 120,5m² được giới hạn bởi các điểm: 22, 23, 30, 31, 22.

2.5. Chia cho bà **Phạm Thị Q (T4)** vị trí đất giáp với phần đất chia cho ông **C1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,6m² được giới hạn bởi các điểm: 23, 24, 29, 30, 23.

2.6. Chia cho bà **Phạm Thị Hương vị T6** đất giáp với phần đất chia cho bà **Q** (Tuyết), trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 120,7m² được giới hạn bởi các điểm: 24, 25, 28, 29, 24.

2.7. Chia cho ông **Phạm Đức L1** vị trí đất giáp với phần đất chia cho bà **H1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc; đất có diện tích 139m² được giới hạn bởi các điểm: 25, 26, 27, 28, 25.

2.8. Chia cho ông **Phạm Đức B** vị trí đất giáp đất chia cho ông **L1**, trên đất có một số cây cối lâm mộc trên đất, đất có diện tích là 179,1m², được giới hạn bởi các điểm: 26, 10, 10A, 27, 26.

2.9. Chia cho chị **Phạm Lan P**, anh **Phạm Đức T1** và anh **Phạm Đoàn D** (là con của ông **Phạm Đức T3**) diện tích đất 121,0m² vị trí đất giáp với phần đất ông **T3** nhận chuyển nhượng có diện tích là 750m², trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4, 01 công trình phụ (nhà kho), giáp nhà cấp 4, 01 mái tôn giáp nhà cấp 4, sân lát gạch đỏ vuông và một số cây cối, lâm mộc trên đất. Tổng cộng là 871m² đất, được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 22, 23, 12, 1.

Diện tích đất ông **H**, ông **B**, ông **L1**, ông **C1**, ông **C2**, bà **Q (T4)**, bà **H1**, ông **M1** và chị **P**, anh **T1**, anh **D** được chia đều là đất thổ cư thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 7 (theo bản đồ 299); nay là thửa số: 4, tờ bản đồ số: 8 (theo bản đồ VN2000); địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường V, tỉnh Phú Thọ** đã được **Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc** (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà **Phạm Thị C3** ngày 25/12/2006.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị **Phạm Lan P**; anh **Phạm Đức T1**; anh **Phạm Đoàn D** không phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu độc lập được chấp nhận. Hoàn trả chị **P**, anh **T1**, anh **D** số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004566 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ) và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001209 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Chị **Phạm Lan P**; anh **Phạm Đức T1**; anh **Phạm Đoàn D** phải chịu án phí với số tiền án phí là 55.578.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004566 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ) và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001209 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ). Chị **P**, anh **T1** và anh **D** còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 54.978.000 đồng.

Ông **Phạm Đức B** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 74.984.000 đồng.

Bà **Phạm Thị H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 55.452.000 đồng.

Ông **Phạm Đức M1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 52.068.000 đồng.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Phạm Đức L1**, ông **Phạm Đức C2**, ông **Phạm Đức C1**, bà **Phạm Thị Q (T4)** và ông **Phạm Đức H**. Trả lại cho ông **H** số tiền tạm ứng án phí ông **H** đã nộp là 7.200.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0004502 ngày 21/6/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thi hành án dân sự tỉnh P).

4. Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ông **Phạm Đức H** và anh **Phạm Đức T1** tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng Phùng Đình Bàn

Nguyễn Thị Trang Nhung

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng Phùng Đình Bàn

